

DOI: 10.59715/pntjimp.2.2.24

Kiến thức và thực hành về phòng ngừa chuẩn của sinh viên Điều dưỡng năm 3 và 4 Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

Nguyễn Hồng Yến¹, Nguyễn Hồng Khánh Linh¹

¹Khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật Y học, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

Tóm tắt

Đặt vấn đề: Phòng ngừa chuẩn (PNC) là một trong những biện pháp cơ bản của phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện. Sinh viên Điều dưỡng có ảnh hưởng lớn trong việc giảm thiểu tình trạng nhiễm khuẩn bệnh viện khi chăm sóc người bệnh nên cần phải có kiến thức đúng và thực hành đúng về PNC.

Mục tiêu: Xác định tỷ lệ sinh viên Điều dưỡng năm 3 và 4 trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2022 có kiến thức đúng và thực hành đúng về PNC và mối tương quan giữa kiến thức và thực hành.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang trên 184 sinh viên Điều dưỡng năm 3 và 4 trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Sử dụng bộ câu hỏi được thiết kế sẵn để khảo sát kiến thức và thực hành về PNC.

Kết quả: Tỷ lệ sinh viên Điều dưỡng năm 3 và 4 có kiến thức đúng và thực hành đúng về PNC lần lượt là 84,2% và 52,7%. Có mối tương quan giữa kiến thức và thực hành về PNC.

Kết luận: Tỷ lệ sinh viên Điều dưỡng năm 3 và 4 về PNC có kiến thức đúng cao và thực hành đúng tương đối thấp. Có mối tương quan giữa kiến thức và thực hành về PNC.

Từ khóa: Kiến thức, thực hành, phòng ngừa chuẩn, sinh viên Điều dưỡng.

Abstract

Knowledge and practice about standard precautions among nursing students at year 3 and 4 of Pham Ngoc Thach University of Medicine

Background: Standard precautions (SPs) are one of the fundamental measures of prevention and control of nosocomial infections. Nursing students have a great influence in reducing hospital infections when caring for patients, so it is necessary to have the correct knowledge and correct practice about SPs.

Objective: Determine the rate of correct knowledge and correct practice of nursing students at year 3 and 4 of Pham Ngoc Thach University of Medicine in 2022 about SPs and correlation between knowledge and practice.

Subjects and method: This is a cross - sectional study on 184 nursing students at year 3 and 4 of Pham Ngoc Thach University of Medicine. Using a set of pre - designed questionnaires to survey students' knowledge and practice about SPs.

Result: Percentage of nursing students at year 3 and 4 with correct knowledge and correct practice about SPs are 84.2% and 52.7%. There is a correlation between knowledge and practice about SPs.

Conclusion: The proportion of nursing students at year 3 and 4 about SPs with correct knowledge is high and correct practice is relatively low. There is a correlation between knowledge and practice about SPs.

Keywords: Knowledge, practice, standard precautions, nursing students.

Ngày nhận bài:

20/02/2023

Ngày phân biện:

20/3/2023

Ngày đăng bài:

20/4/2023

Tác giả liên hệ:

Nguyễn Hồng Yến

Email: 99hongyen@gmail.com

ĐT: 0937 965 527

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhiễm khuẩn bệnh viện (NKBV) là mối quan tâm hàng đầu của ngành y tế vì kéo dài thời gian nằm viện, tăng chi phí điều trị và tăng tỷ lệ tử vong cho người bệnh (NB). Các tác nhân có thể lây nhiễm qua đường máu, dịch, không khí cũng làm tăng nguy cơ phơi nhiễm cho nhân viên y tế (NVYT). Những cơ sở khám chữa bệnh mà NVYT còn hạn chế kiến thức và thực hành đúng về phòng ngừa chuẩn (PNC) có nguy cơ mắc NKBV cao hơn các cơ sở khác [1]. Thực hiện các biện pháp PNC góp phần quan trọng làm giảm tỷ lệ mắc NKBV, hạn chế sự lây truyền bệnh cho NVYT và NB, góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh [2].

Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (ĐHYKPNT) đã đưa vào giảng dạy môn học Kiểm soát nhiễm khuẩn (KSNK) trong chương trình đào tạo cho sinh viên Điều dưỡng (SVDD) chính quy từ đầu năm học thứ 3. Khi được thực hành tại bệnh viện, SVDD rất dễ bị tổn thương trước các rủi ro phơi nhiễm nghề nghiệp trong quá trình chăm sóc NB. Bên cạnh đó, SV chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm và phòng chống phơi nhiễm nên nguy cơ bị lây nhiễm các bệnh lây qua đường máu và dịch tiết rất cao. Do đó, việc nâng cao kiến thức để thực hành đúng PNC là một điều rất quan trọng và cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giảm tỷ lệ lây nhiễm cho NB và cho chính bản thân SV.

Mục tiêu nghiên cứu: Xác định tỷ lệ SVDD chính quy năm 3 và 4 trường ĐHYKPNT năm 2022 có kiến thức và thực hành đúng về PNC và mối tương quan giữa kiến thức và thực hành.

2. ĐỐI TƯỢNG - PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: SV các lớp CNĐĐ đa khoa, gây mê hồi sức, cấp cứu ngoài bệnh viện và hộ sinh chính quy năm 3 và 4 trường ĐHYKPNT. Đối với chuyên ngành Phục hồi chức năng gồm 12 SV năm 3 và 15 SV năm 4 được nghiên cứu viên tách ra làm khảo sát kiểm tra độ tin cậy bộ câu hỏi.

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang.

Cỡ mẫu nghiên cứu: Toàn bộ SVĐĐ đa khoa, gây mê hồi sức, cấp cứu ngoài bệnh viện và hộ sinh chính quy năm 3 và 4 trường ĐHYKPNT năm 2022.

Công cụ thu thập số liệu: Sử dụng bộ câu hỏi (BCH) của Đinh Phạm Phương Anh (2015) với độ tin cậy của BCH là 0,94 [3]. Vì BCH của tác giả Đinh Phạm Phương Anh thực hiện khảo sát trên NVYT về PNC (Sử dụng phương tiện phòng hộ, Xử lý vật sắc nhọn và tổn thương sau phơi nhiễm, Dự phòng phơi nhiễm HIV). Các nội dung trong BCH cũng là tình huống thường gặp nhất khi SV thực hành trên lâm sàng nên có sự tương đồng cao với nghiên cứu này. Nhưng do đối tượng nghiên cứu của tác giả tương đối rộng, nhằm khảo sát đúng kiến thức và thực hành PNC trên đối tượng là SVĐĐ nên nghiên cứu viên đã cải tiến BCH nghiên cứu.

Khảo sát kiến thức về PNC trên SVĐĐ có 15 câu, độ tin cậy là 0,82. BCH bao gồm: khảo sát kiến thức về sử dụng phương tiện phòng hộ (PTPH) cá nhân (6 câu), về xử lý vật sắc nhọn, tổn thương sau phơi nhiễm (6 câu) và về dự phòng sau phơi nhiễm HIV (3 câu). Các đối tượng nghiên cứu lựa chọn câu trả lời bằng cách đánh dấu “X” vào ô đáp án “đúng/sai/không biết”. Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm, tổng điểm kiến thức từ 0 đến 15. SV có kiến thức đúng về PNC khi đạt tổng điểm kiến thức từ 70% trở lên [3].

Khảo sát thực hành về PNC trên SVĐĐ có 10 câu, độ tin cậy là 0,70. Các đối tượng nghiên cứu lựa chọn câu trả lời bằng cách đánh dấu “X” vào ô đáp án “có/không/không biết”. Mỗi câu thực hành đúng được 1 điểm, tổng điểm thực hành từ 0 đến 10. SV có thực hành đúng về PNC khi đạt tổng điểm thực hành từ 70% trở lên [3].

Thu thập số liệu: Sau khi nghiên cứu được Hội đồng Khoa học và Đạo đức của trường ĐHYKPNT thông qua, phê duyệt và đồng ý, nghiên cứu viên (NCV) tiến hành nghiên cứu. NCV liên hệ và trình với Cố vấn học tập của các lớp CNĐĐ chính quy năm 3 và 4 về nội

dung và mục tiêu nghiên cứu. NCV lấy mẫu tại giảng đường khu A2 - trường ĐHYKPNT của các lớp CNDD chính quy năm 3 và 4: từ ngày 15/05/2022 đến ngày 30/05/2022. NCV giới thiệu đề tài, mục tiêu nghiên cứu và nội dung BCH cho SV. Các SV nếu đồng ý tham gia sẽ ký vào bảng đồng thuận tham gia nghiên cứu, sau đó được phát BCH để trả lời. Cuối cùng, NCV thu lại và kiểm tra vấn đề hoàn tất BCH của SV, tập trung lại và cất giữ vào tủ có khóa, sau đó tiến hành xử lý và phân tích số liệu.

Xử lý và phân tích số liệu

Nhập dữ liệu bằng phần mềm Epidata 3.1.

Phân tích số liệu bằng phần mềm STATA 13.0.

Sử dụng phương pháp phân tích thống kê mô tả các biến thông tin chung của đối tượng nghiên cứu, các biến số kiến thức và thực hành về PNC: trình bày dưới dạng tần số và tỷ lệ.

Sử dụng phép kiểm định Pearson để tìm mối tương quan giữa kiến thức và thực hành.

Y đức: Nghiên cứu được thông qua Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học ĐHYKPNT theo quyết định số 679 ký ngày 10/05/2022. Các đối tượng tham gia nghiên cứu được giải thích rõ về mục tiêu, phương pháp nghiên cứu. Những thông tin đối tượng cung cấp chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu và không gây ảnh hưởng đến kết quả học của đối tượng nghiên cứu.

Đặc điểm	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Chuyên ngành		
Điều dưỡng đa khoa	88	47,8
Điều dưỡng gây mê hồi sức	47	25,5
Điều dưỡng hộ sinh	38	20,7
Điều dưỡng cấp cứu ngoài bệnh viện	11	6,0
Nơi thường trú		
Thành phố Hồ Chí Minh	107	58,2
Tỉnh	77	41,8
SV đã được đào tạo về PNC	184	100
Nguồn kiến thức về PNC đã được học từ		
Nhà trường, giảng viên	184	100
Internet, báo, tờ rơi	103	56,0
Nhân viên y tế	78	42,4
Bạn bè	37	20,1
Nguyên tắc của PNC là coi tất cả máu và dịch tiết đều có khả năng lây nhiễm?		
Đúng	122	66,4
Sai	53	28,8
Không biết	9	4,8

3. KẾT QUẢ

Bảng 1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu (N = 184)

Đặc điểm	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Tuổi: nhỏ nhất - lớn nhất: 21 - 25; $\bar{X} = 21, 6$; $SD = \pm 0,6$		
Giới tính		
Nam	35	19,0
Nữ	149	81,0
Sinh viên khóa		
2019 - 2023 (năm 3)	89	48,3
2018 - 2022 (năm 4)	95	51,7

Nghiên cứu trên 184 SVĐD chính quy năm 3 và 4, kết quả cho thấy đa số SV là nữ (81%), SVĐD năm 4 chiếm 51,7% và năm 3 chiếm 48,3%. Trong các chuyên ngành ĐD, SVĐD đa khoa chiếm tỷ lệ cao nhất 47,8%, còn lại 52,2% là SV của các ngành gây mê hồi sức, cấp cứu ngoài bệnh viện và hộ sinh. 100% SV đã được đào tạo về PNC, nguồn kiến thức về PNC được SV tiếp cận khá đa dạng và phong phú, nhiều nhất là từ nhà trường, giảng viên (100%) và thấp nhất là từ bạn bè (20,1%). SV hiểu đúng nguyên tắc của PNC chiếm 66,4% và có 33,6% SV hiểu sai và không biết về nguyên tắc của PNC.

Kiến thức về phòng ngừa chuẩn

Bảng 2. Kiến thức về phòng ngừa chuẩn (N = 184)

Nội dung	Đúng	Chưa đúng
	n (%)	n (%)
Về sử dụng phương tiện phòng hộ (PTPH)	176 (95,7)	8 (4,3)
Mang găng tay trước khi chạm vào niêm mạc hoặc da không lành lặn.	180 (97,8)	4 (2,2)
PTPH giúp giảm thiểu nguy cơ mắc các bệnh truyền nhiễm.	178 (96,7)	6 (3,3)
PTPH chỉ được sử dụng khi có tiếp xúc với máu.	161 (87,5)	23 (12,5)
Găng tay có thể được tái sử dụng lại sau khi sát khuẩn bằng cồn.	163 (88,6)	21 (11,4)
PTPH đã qua sử dụng được phân loại như rác thải sinh hoạt.	165 (89,7)	19 (10,3)
Thay găng giữa các lần thực hiện thủ thuật trên các NB khác nhau.	173 (95,0)	9 (5,0)
Về xử lý vật sắc nhọn, tổn thương sau phơi nhiễm	160 (87,0)	24 (13,0)
Đậy nắp kim tiêm đã qua sử dụng.	68 (37,0)	116 (63,0)
Bỏ kim tiêm đã qua sử dụng.	168 (91,3)	16 (8,7)
Không được bóp, nặn máu nơi bị tổn thương sau khi bị kim đâm.	159 (86,4)	25 (13,6)
Rửa sạch với xà phòng vùng da bị phơi nhiễm.	146 (79,3)	38 (20,7)
Rửa mắt với dung dịch nước muối sinh lý sau phơi nhiễm.	142 (77,2)	42 (22,8)
Bất kỳ trường hợp phơi nhiễm nào cũng phải được báo cáo.	179 (97,2)	5 (2,8)
Về dự phòng sau phơi nhiễm HIV	156 (84,8)	28 (15,2)
Các loại thuốc chuyên dụng phải có sẵn để dự phòng.	171 (93,0)	13 (7,0)
Thuốc dự phòng cho hiệu quả tốt nhất trong vòng 2 giờ sau phơi nhiễm.	135 (73,4)	49 (26,6)
Thuốc dự phòng phải sử dụng liên tục trong 4 tuần.	145 (78,8)	39 (21,2)
Kiến thức chung về PNC	155 (84,2)	29 (15,8)

Về sử dụng phương tiện phòng hộ (PTPH): có 97,8% SV biết mang găng tay trước khi chạm vào niêm mạc hoặc da không lành lặn và có 96,7% SV hiểu được PTPH giúp giảm thiểu nguy cơ mắc các bệnh truyền nhiễm. SV trả lời đúng găng tay có thể được tái sử dụng lại sau khi sát khuẩn bằng cồn là 88,6% và thay găng giữa các lần thực hiện thủ thuật trên các NB khác nhau là 95%. Có 89,7% SV biết PTPH đã qua sử dụng được phân loại như rác thải lây nhiễm.

Về xử lý vật sắc nhọn, tổn thương sau phơi nhiễm: có 63% SV chọn đậy nắp kim tiêm đã qua sử dụng và 8,7% SV chọn bỏ kim tiêm đã qua sử dụng. SV biết không được bóp, nặn máu nơi bị tổn thương sau khi bị kim đâm là 86,4%. Có 79,3% SV biết rửa sạch với xà phòng vùng da bị phơi nhiễm và 77,2% SV biết rửa mắt với dung dịch nước muối sinh lý sau phơi nhiễm. Bất kỳ trường hợp phơi nhiễm nào cũng phải được báo cáo được đa số SV trả lời đúng (97,2%).

Về dự phòng sau phơi nhiễm HIV: Các loại thuốc chuyên dụng phải có sẵn để dự phòng có 93% SV trả lời đúng, có 73,4% SV biết thuốc dự phòng cho hiệu quả tốt nhất trong vòng 2 giờ sau phơi nhiễm và 78,8% SV hiểu đúng thuốc dự phòng phải sử dụng liên tục trong 4 tuần.

Thực hành về phòng ngừa chuẩn

Bảng 3. Thực hành về phòng ngừa chuẩn (N = 184)

Nội dung	Đúng	Chưa đúng
	n (%)	n (%)
Sử dụng mặt nạ bảo hộ khi có nguy cơ bị văng máu và dịch chất tiết.	133 (72,3)	51 (27,7)
Sử dụng tạp dề khi có nguy cơ bị văng máu, dịch tiết.	113 (61,4)	71 (38,6)
Sử dụng nón và bao giày khi có nguy cơ văng máu, dịch tiết.	133 (72,3)	51 (27,7)

Nội dung	Đúng	Chưa đúng
	n (%)	n (%)
Khi tháo bỏ PTPH cá nhân, phương tiện bản nhất tháo ra đầu tiên.	102 (55,4)	82 (44,6)
Sau khi tiêm xong, đặt nắp kim bằng hai tay.	42 (22,8)	142 (77,2)
Vứt kim và các vật dụng sắc nhọn trong thùng kháng khuẩn.	157 (85,3)	27 (14,7)
Mang găng tay khi thay băng vết thương cho NB nhiễm HIV.	174 (94,5)	10 (5,5)
Mang găng khi đo mạch, huyết áp cho NB nhiễm HIV.	111 (60,3)	73 (39,7)
Mang găng khi rút ống thông mũi dạ dày cho NB.	172 (93,5)	12 (6,5)
Sắp xếp cho NB nhiễm HIV nằm cách ly riêng biệt.	138 (75,0)	46 (25,0)
Thực hành chung về PNC	97 (52,7)	87 (47,3)

Tỷ lệ SV thực hành đúng cao nhất là mang găng tay khi thay băng vết thương cho NB nhiễm HIV đạt 94,5%, thực hành đúng mang găng khi rút ống thông mũi dạ dày cho NB là 93,5% SV nhưng chỉ có 60,3% SV mang găng khi đo mạch, huyết áp cho NB nhiễm HIV. Có 72,3% SV sử dụng mặt nạ bảo hộ, nón và bao giày khi có nguy cơ bị văng máu và dịch chất tiết. Tỷ lệ SV biết tháo bỏ PTPH bản nhất ra đầu tiên chiếm 55,4%. SV dùng hai tay đặt nắp kim sau khi tiêm xong với tỷ lệ 77,2%, có 85,3% SV thực hiện đúng việc vứt kim và các vật dụng sắc nhọn vào thùng kháng khuẩn. Thực hiện đúng việc sắp xếp cho NB nhiễm HIV nằm cách ly riêng biệt chiếm 75%. Thực hành chung đúng về PNC chiếm 52,7%.

Mối tương quan giữa kiến thức và thực hành về phòng ngừa chuẩn

Bảng 4. Mối tương quan giữa kiến thức và thực hành về phòng ngừa chuẩn (N = 184)

		Kiến thức
Thực hành	r	0,25
	p	0,001
r: hệ số tương quan Pearson		

Có mối tương quan thuận giữa kiến thức và thực hành về PNC của SVĐD chính quy năm 3 và 4 trường ĐHYKPNT (Pearson's $r = 0,25$, $p = 0,001$)

4. BÀN LUẬN

Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên 184 SVĐD

chính quy năm 3 và 4 trường ĐHYKPNT. Qua kết quả, SVĐD chính quy năm 4 chiếm tỷ lệ cao hơn năm 3 là 3,4%, tuổi trung bình của SV là $21,6 \pm 0,6$ tuổi. Về giới tính, SV nam chiếm (19%) tỷ lệ ít hơn nữ (81%) tương tự kết quả nghiên cứu ở trường trung cấp Phương Nam của Lý Văn Xuân và Lê Thị Mỹ Ly (2014) nam 18,6% và nữ 81,4% [4]. Tỷ lệ SV các chuyên ngành ĐD có sự chênh lệch, trong đó đa khoa chiếm tỷ lệ cao nhất (47,8%).

Về đào tạo PNC, đạt 100% SV đã được đào tạo về PNC vì để được tham gia thực tập lâm sàng tại các cơ sở y tế thì bắt buộc SV phải hoàn thành môn học KSNK trong chương trình học kỳ I năm thứ 3 ngành ĐD, kết quả tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thùy Linh 100% SVĐD chính quy năm 3 và 4 đều được đào tạo về PNC [5]. Nguồn kiến thức PNC mà SV được tiếp cận đa dạng, phong phú, cao nhất là từ nhà trường, giảng viên (100%) cao hơn nghiên cứu của Cheung Kin (84,7%) [6]. Kết quả có được do đối tượng là SV ngành ĐD, thời gian học là 4 năm nên nguồn thông tin chủ yếu do nhà trường và giảng viên cung cấp và giảng viên là những người gần gũi và trực tiếp nhất với SV. Việc tiếp nhận thông tin qua phương tiện truyền thông chiếm 56% phù hợp với sự phát triển công nghệ thông tin hiện nay. Thông tin được SV tiếp cận qua NVYT và bạn bè chiếm tỷ lệ tương đương với nghiên cứu của Cheung Kin (45,7%) [6].

Có 66,4% SV hiểu đúng nguyên tắc của PNC là coi tất cả máu và dịch tiết đều có khả năng lây nhiễm trong phòng ngừa phơi nhiễm bệnh

nghề nghiệp, kết quả này cao hơn nghiên cứu của Mn. Huson Amin Ghalya (2014) là 51% [7] nhưng lại thấp hơn nghiên cứu của Đinh Phạm Phương Anh (74%) [3].

Kiến thức về phòng ngừa chuẩn

SVĐD ĐHYKPNT có kiến thức về mục đích sử dụng PTPH cá nhân với tỷ lệ 95,7% cao hơn SV trường ĐH Y Hà Nội và trường ĐH Y khoa Vinh là 80% SVĐD đều cho rằng PTPH cá nhân được sử dụng để loại bỏ nguy cơ mắc các bệnh nghề nghiệp [8], [9]. Trong khi đó SV tại trường ĐH Umm Al - Qura là 98,8% [7]. Mục đích sử dụng các PTPH cá nhân được nhắc nhở ở nhiều môn học như Điều dưỡng cơ bản, Vi sinh, Ký sinh khi học lý thuyết và thực hành tại phòng thí nghiệm nên kiến thức về mục đích sử dụng PTPH cá nhân chiếm tỷ lệ SV trả lời đúng cao. PTPH cá nhân đã qua sử dụng phải phân loại vào rác thải lây nhiễm và xử lý trước khi thải ra môi trường, có trên 89,7% SV trả lời đúng điều này. Tỷ lệ trên cao hơn trong nghiên cứu ở SV của trường ĐH Umm Al - Qura là 45,8% [7], SV trường ĐH Y Hà Nội và trường ĐH Y khoa Vinh đều đạt 60% [8], [9]. Do SV thực hành thường xuyên trên lâm sàng nên các PTPH cá nhân sau khi sử dụng cần được bỏ vào thùng rác y tế có túi màu vàng, đây là nhóm chất thải được xử lý trước khi loại bỏ, do vậy nên kiến thức này được SV ghi nhớ lâu và rõ hơn.

Trong nghiên cứu này có trên 97% SV biết cần phải báo cáo khi bị chấn thương do vật sắc nhọn, và 91,3% SV không bẻ cong bơm tiêm sau khi sử dụng để tránh tổn thương. Tỷ lệ này cao hơn nghiên cứu của Vũ Thị Thu Thủy (2019) là 63% [9] và nghiên cứu của Lê Thị Nga (2016) là 85,4% [8]. Về kiến thức không đặt nắp bơm tiêm sau khi sử dụng để tránh tổn thương, SV nắm được rất ít dưới 37%. Đây là vấn đề đáng lo ngại cho kiến thức PNC của SV, chấn thương do vật sắc nhọn trong thực tập lâm sàng làm tăng nguy cơ lây nhiễm các tác nhân gây bệnh nguy hiểm như viêm gan B, HIV... Do vậy, giảng viên cần chú trọng nội dung này trong chương trình đào tạo để trang bị đầy đủ kỹ năng cho SV. Đồng thời trong quá trình thực tập lâm sàng tại cơ sở y tế, giảng viên và NVYT cần giám sát, nhắc nhở thường xuyên để SV thực hiện đúng quy trình xử lý vật sắc nhọn.

Đa số SV nhận thức được các nguy cơ tổn thương, phơi nhiễm với máu và dịch tiết trên lâm sàng và trong quá trình giảng dạy, SV được cung cấp thêm các kiến thức về dự phòng sau phơi nhiễm. Các câu hỏi về thời gian sử dụng thuốc dự phòng sau phơi nhiễm, thuốc dự phòng cho hiệu quả tốt nhất trong vòng 2 giờ sau phơi nhiễm có tỷ lệ SV trả lời đúng là 73,4%. Kết quả này cao hơn nghiên cứu của Huỳnh Thị Như Thúy (2020) là 48,5% [10]. Đây là một kiến thức quan trọng mà SV cần phải biết để nhanh chóng xử trí khi phơi nhiễm xảy ra, nếu chậm trễ thì khả năng nhiễm HIV/AIDS rất cao.

Tỷ lệ SVĐD chính quy năm 3 và 4 có kiến thức đúng về PNC là 84,2%. Kết quả này cao hơn nghiên cứu của Cheung Kin và cộng sự (2015) với 78% SVĐD trường ĐH Hong Kong có kiến thức tốt về PNC [6]. Kết quả này có được là do trường ĐHYKPNT đã làm khá tốt trong công tác giảng dạy và đối tượng nghiên cứu đã được tích lũy kiến thức xuyên suốt các năm học trên giảng đường qua các môn Vi sinh, Điều dưỡng cơ bản, KSNK, Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền Nhiễm và trên thực hành lâm sàng tại các khoa của các bệnh viện, phòng lab. Hiện nay, với sự phát triển mạnh của công nghệ thông tin nên việc tìm hiểu thông tin trên mạng điện tử của SV rất dễ dàng và thuận tiện. Hơn nữa, chương trình đào tạo của SV cả các lớp CNĐD chính quy năm 3 và 4 đều là chương trình theo tín chỉ nên thời gian tự học và tìm hiểu thông tin thêm của SV có nhiều nên SV chủ động hơn trong việc học hỏi kiến thức.

Thực hành về phòng ngừa chuẩn

Nhìn chung, tỷ lệ SV thực hành đúng về PNC tương đối thấp. Chỉ có 22,8% SV cô lập bơm kim tiêm theo đúng theo tiêu chuẩn tiêm an toàn là ngay sau khi rút kim ra khỏi vị trí tiêm bỏ luôn cả bơm kim tiêm vào thùng chứa vật sắc nhọn. Trong đó, 77,2% SV lại chọn phương án sai là đặt nắp bơm tiêm bằng hai tay rồi tách kim ra khỏi bơm tiêm trước khi cho vào hộp đựng vật sắc nhọn. Kết quả này thấp hơn nghiên cứu của Đinh Thị Thu Huyền trên SVĐD trường ĐH Điều dưỡng Nam Định (74%) [11]. Nghiên cứu đánh giá nguyên nhân về tiêm không an toàn và tần suất rủi ro do vật sắc nhọn đối với ĐD cho thấy đa số đối tượng cho rằng thiếu dụng cụ xử lý chất thải và thiếu hộp đựng vật sắc nhọn là

nguyên nhân dẫn đến mũi tiêm không an toàn [11]. Điều này cho thấy SV bị ảnh hưởng thực tế khi thực hành lâm sàng tại bệnh viện, bởi vì hầu như các khoa không trang bị đủ hộp đựng mà phải dùng phương pháp đập nắp kim bằng hai tay và tách kim ra khỏi bơm tiêm.

Tỷ lệ SVĐD chính quy năm 3 và 4 có thực hành đúng về PNC là 52,7%. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Kyoung (2019) trên SVĐD chính quy năm 3 và 4 (50,5%) [12]. Kết quả này có được do điều nghiên cứu trên SVĐD năm 3 và 4 nên kết quả khá tương đồng nhau. Tuy nhiên, tỷ lệ SV thực hành đúng về PNC tương đối thấp nên cần nâng cao việc thực hành đúng về PNC để góp phần quan trọng làm giảm tỷ lệ mắc NKBV, hạn chế sự lây truyền bệnh cho NVYT và NB, góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh.

Mối tương quan giữa kiến thức và thực hành về phòng ngừa chuẩn

Kết quả cho thấy có mối tương quan thuận giữa kiến thức và thực hành về PNC của SV ($p = 0.001$). Kết quả tương tự với nghiên cứu Vũ Thị Thu Thủy (2018) tại trường ĐH Y khoa Vinh có tìm thấy mối tương quan giữa kiến thức và thực hành về PNC [9]. Điều này cho thấy cần phải trang bị kiến thức về PNC đầy đủ cho SV sẽ góp phần nâng cao thực hành đúng về PNC để phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm.

Điểm mạnh - hạn chế: Nghiên cứu sử dụng BCH phù hợp để khảo sát kiến thức và thực hành về PNC với độ tin cậy cao. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế như cỡ mẫu nhỏ, lấy số liệu bằng BCH tự điền nên một số đối tượng nghiên cứu có cách hiểu sai về nội dung câu hỏi và NCV không quan sát trực tiếp để khảo sát thực hành về PNC của SV mà để SV tự đánh giá.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu được thực hiện tại trường ĐHYKPNT với 184 SVĐD chính quy năm 3 và 4. Nhìn chung các kiến thức đúng về PNC tương đối tốt, tuy nhiên thực hành đúng về PNC của SV tương đối thấp. Nghiên cứu này có tìm thấy mối tương quan thuận giữa kiến thức và thực hành về PNC.

Kiến nghị: Nhà trường cần tạo điều kiện cho SV tham gia các buổi hội thảo về PNC và giảng viên cần thường xuyên giám sát, nhắc

nhở SV tuân thủ thực hiện các biện pháp PNC có kèm theo bảng đánh giá PNC về xử lý bơm kim tiêm sau tiêm, về dùng PTPH. Các bệnh viện có SV thực tập cần trang bị đầy đủ PTPH để SV có thể làm đúng quy trình thủ thuật nhằm đảm bảo chăm sóc sức khỏe an toàn cho BN cũng như SV. Đối với SV, cần tìm hiểu thêm các thông tin về PNC thông qua những nguồn thông tin uy tín.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyen Quoc Anh, Truong Anh Thu, Ngo Quy Chau and Nguyen Viet Hung, (2012), "Knowledge, Attitude and Practices Regarding Standard and Isolation Precautions Among Vietnamese Health Care Workers: A Multicenter Cross - Sectional Survey", *Internal Medicine*, 2(115): 2165.
2. Bộ Y tế (2012), "Chương trình tài liệu đào tạo liên tục kiểm soát nhiễm khuẩn cho nhân viên y tế tuyến cơ sở". Ban hành kèm theo Quyết định số: 5771/BYT-K2ĐT ngày 30/08/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
3. Đinh Phạm Phương Anh và Phan Thị Hằng (2015), "Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành về phòng ngừa chuẩn của nhân viên y tế bệnh viện Hùng Vương", *Tạp chí y học thực hành*, tr. 12, http://www.hics.org.vn/sites/default/files/attachment/c2_dinh_pham_phuong_anh.pdf.
4. Lý Văn Xuân và Lê Thị Mỹ Ly (2014), "Kiến thức, thực hành của sinh viên điều dưỡng trường trung cấp Phương Nam thực hiện rửa tay thường quy khi chăm sóc bệnh nhân tại bệnh viện năm 2013", *Tạp chí Y học TPHCM*, 18(5): 153-160.
5. Nguyễn Thị Thùy Linh (2019), "Kiến thức, thái độ về phòng ngừa chuẩn của sinh viên trường Đại học Y dược Hải Phòng năm 2019", *Tạp chí y học dự phòng*, 29(9): 245.
6. Cheung K, Chang MY, et al (2015), "Predictors for compliance of standard precautions among nursing students", *Am J Infect Control*, 43(7): 729-734.
7. Mn. Huson Amin Ghalyal, Prof. Yousreya Ibrahim (2014), "Knowledge, Attitudes and Sources of Information among Nursing Students toward Infection Control and Standard Precautions", *Life Science Journal*, 11(9).

8. Lê Thị Nga (2016), “Kiến thức, thái độ về các biện pháp phòng ngừa chuẩn của sinh viên tại Đại học Y Hà Nội”, Khóa luận cử nhân Điều dưỡng, Trường Đại học Y Hà Nội.
9. Vũ Thị Thu Thủy (2018), “Thực trạng kiến thức và thái độ về phòng ngừa chuẩn của sinh viên điều dưỡng trường Đại học Y khoa Vinh năm 2018”, Tạp chí Khoa học điều dưỡng, 1(2): 84-89.
10. Huỳnh Thị Như Thúy và Nguyễn Hoàng Thảo My (2020), “Khảo sát sự hiểu biết về việc phòng chống HIV/AIDS của sinh viên khóa 15 Khoa Dược DDS Đại học Nguyễn Tất Thành”, Tạp chí Khoa học & Công nghệ, số 12: 70-74.
11. Đinh Thị Thu Huyền và cộng sự (2018), “Thực trạng tuân thủ tiêu an toàn của sinh viên đại học chính quy, trường Đại học Điều dưỡng Nam Định”, Tạp chí Khoa học Điều dưỡng, 1(1): 83-88.
12. Kyoungja Moon, Yong Hwan Hyeon, Kyung Hee Lim (2019), “Factors Associated with nursing students’ compliance with standard precautions: a self reported survey”, In t J Infect Control, DOI:10.21203/rs.3.rs-28983/v2.